

"Người ngu" và "Người trí"

ISSN: 2734-9195 10:15 23/12/2025

Chỉ khi có tuệ về ly tham, đoạn vô minh, con đường giải thoát mới trọn vẹn. Ngu hay trí không nằm ở hình thức, đúng hay sai không nằm ở niềm tin, mà nằm ở khả năng thấy lỗi, nhận lỗi, sửa lỗi, hiểu đúng, hành phù hợp.

Phần I. Tăng chi bộ kinh, Chương II: Hai pháp, Phẩm III. Phẩm người ngu

"Này các Tỷ-kheo, có hai loại người ngu này. Thế nào là hai? Người có phạm tội nhưng không thấy có phạm tội, và người không chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ-kheo, có hai loại người ngu này. Này các Tỷ-kheo, có hai loại người có trí. Thế nào là hai? Người có phạm tội là thấy có phạm tội, và người chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ-kheo, có hai loại người có trí này.

Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người độc ác với tâm đầy sân hận, và người có lòng tin với tà kiến. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai không nói, không thuyết, và người nêu rõ Như Lai không nói, không thuyết là Như Lai có nói, có thuyết. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai có nói, có thuyết, và người nêu rõ Như Lai không nói, không thuyết là Như Lai không nói, không thuyết. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai.

Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ kinh cần phải giải nghĩa là kinh đã được giải nghĩa, và người nêu rõ kinh đã được giải nghĩa là kinh cần phải giải nghĩa. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, xuyên tạc Như Lai.

Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, không xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ kinh cần phải giải nghĩa là kinh cần phải giải nghĩa, và người nêu rõ kinh đã được giải nghĩa là kinh đã được giải nghĩa. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, không xuyên tạc Như Lai.

Do quán thấy hai lợi ích, này các Tỷ-kheo, Ta đi đến ngôi rừng hẻo lánh, các trú xứ xa vắng. Thế nào là hai? Thấy tự mình hiện tại lạc trú, và có lòng thương tưởng đến những chúng sinh về sau. Do quán thấy hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, nên Ta đi đến các ngôi rừng hẻo lánh, các trú xứ xa vắng.

Có hai pháp này, này các Tỷ-kheo, thuộc thành phần minh. Thế nào là hai? Chỉ và Quán. Chỉ được tu tập, này các Tỷ-kheo, chờ đợi lợi ích gì? Tâm được tu tập. Tâm được tu tập, chờ đợi lợi ích gì? Cái gì thuộc về tham được đoạn tận. Quán được tu tập, này các Tỷ-kheo, chờ đợi lợi ích gì? Tuệ được tu tập. Tuệ được tu tập, chờ đợi lợi ích gì? Cái gì thuộc vô minh được đoạn tận. Bị tham làm uế nhiễm, này các Tỷ-kheo, tâm không thể giải thoát. Hay bị vô minh làm uế nhiễm, tuệ không được tu tập. Do vậy, do ly tham, là tâm giải thoát. Do đoạn vô minh, là tuệ giải thoát.”



Ảnh minh họa, thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Phần II. Luận giải đoạn kinh

1. Ranh giới người ngu và người có trí

Đoạn kinh không định nghĩa “người ngu” bằng mức độ phạm lỗi, mà bằng cách họ nhận diện và đối diện với lỗi. Người có phạm tội nhưng không thấy mình phạm tội. Người không chấp nhận người khác phát lộ tội của mình. Đây là biểu hiện của người vô tầm, vô quý. Tầm và quý là 2 trạng thái tâm có tính thiện. Tầm là tự xấu hổ, là sự xấu hổ khi biết mình đã làm một việc xấu, dù không ai biết, không ai thấy việc đó. Quý là xấu hổ với người, là sự xấu hổ khi người khác thấy, biết việc làm xấu của mình. Tầm, quý ghép lại được ám chỉ chung tới tâm sở thiện là biết ăn năn, xấu hổ. Hành tướng của việc này là ngăn ngừa tái diễn việc bất thiện. Người sống trên đời mà không có tâm tầm và quý, là dấu hiệu đạo đức bị bào mòn hoàn toàn. Người vô tầm quý tức là người không sợ hậu họa, không hổ thẹn, không có lương tri. Một người như vậy không còn bất kỳ lực nội tâm sở thiện nào để kiểm soát hành động, hay còn bị gọi là “người ngu”. Người có tầm quý là người biết ranh giới, biết thứ nên làm, biết điều nên đoạn trừ, gìn giữ phẩm giá, trước hết là cho chính mình chứ không cần phải ai ca ngợi.

2. Xuyên tạc Như Lai

Đức Phật nêu hai hạng người xuyên tạc Như Lai: (1). Người độc ác, tâm đầy sân hận. (2). Người có lòng tin nhưng mang tà kiến. Điều đáng chú ý là hạng thứ hai nguy hiểm hơn. Người sân hận thường lộ diện, còn người có niềm tin nhưng tà kiến thì tin sai mà tưởng là tin đúng. Truyền bá sai mà nghĩ mình hộ trì Chính pháp. Từ đó, Đức Phật chỉ rõ hai hình thức xuyên tạc cụ thể là (1). Nói Như Lai có nói điều Ngài không nói. Nói Như Lai không nói điều Ngài đã nói. Đây không còn là vấn đề hiểu sai cá nhân, mà là làm lệch trục truyền thừa giáo lý.

Cụ thể nhất chúng ta thấy tại thời đại mạng xã hội bùng nổ đó là trong rất nhiều thứ được chia sẻ, luôn thấy nội dung được gắn liền với mở đầu: “Phật dạy là, Phật từng nói là,...” Tuy nhiên, không ai dẫn chứng rằng Phật nói ở đâu, nói cho ai hay mục đích nói điều đó là gì, bối cảnh xảy ra như thế nào. Đây là điều nguy hiểm và xuyên tạc Như Lai. Vì mọi lời tuyên truyền mà Ngài nói đều gắn với cá nhân có hoàn cảnh cụ thể, và đôi khi lời dạy đó chỉ tương thích với hoàn cảnh đó, việc đem lời dạy không đầy đủ bức tranh có thể làm sai mục đích răn dạy. Ngược lại, người không xuyên tạc Như Lai là người giữ đúng ranh giới giữa “cái được nói” và “cái không nói”, không vì niềm tin cá nhân mà gán ghép lời Phật. Tương tự vậy, kinh cần giải nghĩa nếu bị xem là đã được giải nghĩa, người học dừng lại quá sớm, chấp văn tự. Kinh đã được giải nghĩa nếu bị xem là cần giải nghĩa, người học diễn dịch quá mức, áp đặt ý riêng. Cả hai đều là xuyên tạc Như Lai vì một bên đóng băng nghĩa lý, một bên bẻ cong nghĩa lý. Người không xuyên tạc là người biết phân biệt đúng chỗ cần mở, đúng chỗ cần dừng. Đây là

trí tuệ của người học kinh, không phải trí thông minh ngôn ngữ, mà là trí biết giới hạn của diễn giải. Do lời kinh được nói ở bối cảnh, thời điểm khác, thậm chí có thể khác xa tại thời điểm diễn giải, vì vậy mọi thứ cần được dung hòa phù hợp hoàn cảnh.

3. Hai lợi ích khiến Như Lai ẩn tu

Kinh viết rằng Phật đi vào rừng vắng vì hai lợi ích: (1). Hiện tại lạc trú cho chính mình. (2). Thương tưởng chúng sinh về sau. Trong *Tương ưng bộ kinh, Chương Tám: Tương ưng Anuruddha, Phẩm Độc cư*, kinh đã nêu lên pháp hành phù hợp nhất trong khi độc cư cùng những lợi ích mà pháp môn đem lại, chính là: Quán tứ niệm xứ. Việc quán tứ niệm xứ giúp hành giả có thể lạc trú hiện tại, thấy rõ niệm hiện tiền. Cụ thể hành giả có thể trải qua 5 tầng an trú

(1). Trú với tưởng nhằm chán đối với pháp không nhằm chán

(2). Trú với tưởng không nhằm chán đối với pháp nhằm chán

(3). Trú với tưởng nhằm chán đối với cả hai pháp nhằm chán và không nhằm chán

(4). Trú với tưởng không nhằm chán đối với cả hai pháp nhằm chán và không nhằm chán

(5). Từ bỏ cả hai, trú xả, chính niệm, tỉnh giác

Tầng 1: Đây là giai đoạn đối trị dục tâm. “Pháp không nhằm chán” là các pháp khiến tâm ưa thích, dính mắc (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Hành giả quán chiếu bản chất vô thường, khổ, vô ngã của chúng, để phát khởi tưởng nhằm chán, nhằm đoạn trừ hỷ tham. Đây là tưởng quán về sự chán lìa, khởi đầu của hành độc cư, vì chỉ khi chán pháp thế gian, tâm mới có thể yên tĩnh nơi vắng lặng không bị cuốn về dục ái.

Tầng 2: Khi tưởng nhằm chán khởi mạnh, có thể sinh tâm ghét bỏ, mỗi mệt, dẫn đến hành vi phản ứng cực đoan. Bấy giờ hành giả trú với tưởng không nhằm chán đối với pháp nhằm chán, nghĩa là nhìn thấy bản chất các pháp mà không chấp thủ vào ý niệm chán hay ghét. Đây là sự quân bình cảm xúc, ngăn tâm rơi vào biên kiến chối bỏ.

Tầng 3. Ở tầng này, hành giả thấy rằng cả hai thái độ ưa và ghét đều thuộc phạm vi đối đãi, một khi rơi vào đối đãi thì dễ sinh cực đoan ở phía còn lại. Dù là pháp khiến ưa thích hay pháp khiến chán ghét, tất cả đều vô thường. Do đó, hành giả nhằm chán cả sự nhằm chán và không nhằm chán. Đây là tầng nhận

thức về tính duyên sinh của tướng, thấy rằng ngay cả cảm xúc tu tập cũng không thật.

Tầng 4. Sau khi quán thấy sự vô thường của mọi tướng, hành giả không còn nhàm chán bất kỳ pháp nào, không vì chán mà lìa, không vì ưa mà đến. Đây là tâm bình thản trước mọi đối tượng, là tướng vô ngại, tâm không dao động. Đó là nền tảng cho xả niệm thanh tịnh.

Tầng 5. "Từ bỏ cả hai". Đây là đỉnh cao của thiền quán độc cư. Khi hành giả không còn khởi tướng nào đối trị tướng nào, chỉ an trú trong xả, chính niệm, tỉnh giác, thì mọi pháp sinh diệt đều được thấy như chúng là lý duyên khởi.

Khi an lạc hiện tiền tại thân, hành giả có cơ hội rải khắp tâm từ, lòng thương tưởng cho chúng sinh như lợi ích (2) được nêu.

4. Chỉ và Quán

"Chỉ" tức là đình chỉ, là làm cho dừng lại. Cụ thể ở đây chính là đình chỉ lại dòng vọng tưởng về quá khứ, lo âu về tương lai, dòng ý cuốn theo dục trần thế. "Quán" là quán chiếu, tự soi xét lại mình. Chỉ quán được thực hành như cách để hành giả dừng dòng vọng tưởng xa vời, và tu tập quán chiếu chính mình mà sửa đổi, quán chiếu thân hành niệm. Lộ trình thực hành được chỉ ra đó là Chỉ, tu tập tâm, đoạn trừ tham, tâm giải thoát. Quán, tu tập tuệ, đoạn trừ vô minh, tuệ liễu tri.

Kết luận

Tâm bị tham uế nhiễm thì không thể giải thoát. Tuệ bị vô minh uế nhiễm thì không thể thành tựu. Giải thoát trong Phật giáo không thể chỉ mỗi an định, mà thiếu tuệ. Chỉ khi có tuệ về ly tham, đoạn vô minh, con đường giải thoát mới trọn vẹn. Ngu hay trí không nằm ở hình thức, đúng hay sai không nằm ở niềm tin, mà nằm ở khả năng thấy lỗi, nhận lỗi, sửa lỗi, hiểu đúng, hành phù hợp.

Cư sĩ Phúc Quang

Tài liệu:

1. Tăng chi bộ kinh, Chương II: Hai pháp, Phẩm III. Phẩm người ngu, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu
2. Tương ưng bộ kinh, Chương VIII: Tương ưng Anuruddha, Phẩm Độc cư, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu